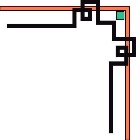
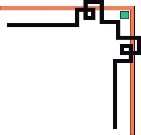
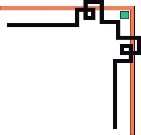
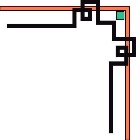
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI**



**KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ**

**Bộ môn Những nguyên lý cơ bản**

**của chủ nghĩa Mác- Lênin**

****

**TIỂU LUẬN TRIẾT HỌC MÁC LÊNIN 1**

***ĐỀ TÀI***: *Vai trò của lực lượng sản xuất trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam hiện nay.*

|  |  |
| --- | --- |
| **GVHD** | TS.GV Trần Việt Thắng |
| **Sinh viên**  Nguyễn Thị Thanh Bình  Doãn Thị Linh Chi  Nguyễn Đình Yến Nhi  Phạm Thị Phương Thảo | **MSSV**  20192589  20192590  20192614  20192623 |

***Hà Nội tháng 04/2020***

**MỤC LỤC**

Trang

Lời mở đầu

1.Lý do chọn đề tài 1

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài 2

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu 2

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu 2

5. Đóng góp của tiểu luận 3 6. Phương pháp của tiểu luận 3

Chương 1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò của lực lượng sản xuất

1.1. Sự ra đời của lực lượng sản xuất 4

1.1.1 Khái niệm lực lượng sản xuất 4

1.1.2 Quá trình ra đời của lực lượng sản xuất 4

1.1.3 Những yếu tố của quá trình sản xuất 5

1.1.4 Đặc trưng cơ bản của lực lượng sản xuất 6

1.2. Kết cấu của lực lượng sản xuất 6

1.2.1 Người lao động 6

1.2.2 Tư liệu sản xuất 7

1.2.2.1 Đối tượng lao động 7

1.2.2.2 Tư liệu lao động 8

1.2.2.3 Khoa học- Công nghệ 9

1.3. Lực lượng sản xuất trong mối quan hệ với quan hệ sản xuất

1.4 Vai trò của lực lượng sản xuất trong phát triển xã hội

Chương 2. Vai trò của lực lượng sản xuất trong quá trình công nghiệp hóa hiện

đại hóa ở Việt Nam 11

2.1. Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa, hiện đại hóa 17

2.2. Vai trò của lực lượng sản xuất đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại

hóa 17

2.2.1 Vai trò của người lao động 19

2.2.2 Vai trò của tư liệu sản xuất 22

2.2.3 Vai trò của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất

2.3. Những nhiệm vụ cơ bản nhằm phát huy có hiệu quả vai trò của lực lượng

sản xuất đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 23

Kết luận 26

Tài liệu tham khảo 27

Danh mục từ viết tắt 27

**MỞ ĐẦU**

1. **Lý do chọn đề tài**

Lịch sử phát triển của xã hội là lịch sử vận động, phát triển, thay thế lẫn nhau giữa các hình thái kinh tế - xã hội từ thấp đến cao. Sự vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là do sự tác động qua lại lẫn nhau một cách biện chứng giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, giữa cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng. Trong đó phải kể đến lực lượng sản xuất là một trong những nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội được triết học Mác xem là yếu tố năng động nhất trong các yếu tố cấu thành phương thức sản xuất, quyết định xu hướng, tốc độ, nhịp độ vận động của quan hệ sản xuất, thông qua đó làm thay đổi kiến trúc thượng tầng. Suy đến cùng, sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội. Với vai trò trên, việc làm sáng tỏ nội dung của lực lượng sản xuất được xem là vấn đề quan trọng có tính cấp thiết, đặc biệt là đối với những người học tập và nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đang trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, do vậy việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật là vấn đề tất yếu và cần thiết. Việc xây dựng đó phải gắn liền với quá trình phát triển lực lượng sản xuất trong mối quan hệ với quan hệ sản xuất, đó là “Quan hệ sản xuất phù hợp trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”. Với những nhận định đúng đắn, Đảng ta đã xác định phải gắn liền quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX(2001) đã đề ra đường lối kinh tế của nước ta là: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp; ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất đồng thời xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa; phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững”

Trước những đòi hỏi khách quan của việc xây dựng, phát triển hoàn thiện lực lượng sản xuất trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam và phát huy có hiệu quả vai trò của lực lượng sản xuất. Việc triển khai đề tài **“*Vai trò của lực lượng sản xuất trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam”*** là một yêu cầu cấp thiết và mang ý nghĩa chính trị xã hội sâu sắc.

1. **Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

*Mục đích nghiên cứu:*

Trình bày một cách tổng quát vai trò của lực lượng sản xuất trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. Đặc biệt là trong thời kỳ nước ta đang đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước, hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

*Nhiệm vụ nghiên cứu:*

Phân tích quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về khái niệm lực lượng sản xuất, kết cấu và tương quan của lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất .

Phân tích tính chất và vai trò của lực lượng sản xuất ở Việt Nam trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ đó rút ra những nhận định về phương pháp luận.

1. **Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

*Đối tượng nghiên cứu:*

Vai trò của lực lượng sản xuất đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiên đại hóa ở Việt Nam.

*Phạm vi nghiên cứu:*

Khảo sát quá trình hình thành, phát triển và kết cấu của lực lượng sản xuất; Tìm hiểu quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từ đó tập trung nghiên cứu vai trò của lực lượng sản xuất trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Viêt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

*Cơ sở lý luận:*

Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đặc biệt là các quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về lực lượng sản xuất, về hình thái kinh tế - xã hội.

*Phương pháp nghiên cứu:*

Tiểu luận sử dụng phương pháp biện chứng duy vật và duy vật lịch sử, kết hợp phương pháp phân tích, tổng hợp; phương pháp trừu tượng hóa, khái quát hóa; phương pháp kết hợp giữa logic và lịch sử.

5. Đóng góp của tiểu luận

Tiểu luận góp phần làm sáng tỏ lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về lực lượng sản xuất; vai trò của lực lượng sản xuất trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay.

6. Kết cấu của tiểu luận

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo, tiểu luận gồm có 2 chương: chương 1 có 4 tiết, chương 2 có 3 tiết.

Để hoàn thành tốt bài tiểu luận này, nhóm chúng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của giảng viên bộ môn Trần Việt Thắng!

**CHƯƠNG 1**

QUAN NIỆM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

VỀ LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT

**1.1. Sự ra đời của lực lượng sản xuất**

*1.1.1 Khái niêm lực lượng sản xuất*

Lực lượng sản xuất là toàn bộ các lực lượng được con người sử dụng trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất. Nó bao gồm người lao động với một thể lực, tri thức, kĩ năng lao động nhất định và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động. Trong quá trình sản xuất, sức lao động của con người với tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động, tạo thành lực lượng sản xuất.

Lực lượng sản xuất là quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất. Trong quá trình này, sản xuất của con người kết hợp sức lao động của mình với tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động tạo thành sức mạnh khai thác giới tự nhiên, làm ra sản phẩm cần thiết cho cuộc sống của mình. Là lực lượng tạo ra để cải tạo thế giới, là biểu hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Lực lượng sản xuất là một thể thống nhất giữa yếu tố người và yếu tố sự vật, trong đó con người đóng vai trò chủ thể, tích cực và quyết định nhất. Sự ra đời, tồn tại và phát triển của lực lượng sản xuất gắn liền với lịch sử phát triển của xã hội loài người.

*1.1.2 Quá trình ra đời của lực lượng sản xuất*

Xã hội tồn tại và phát triển được là nhờ sản xuất vật chất. Do vậy, lịch sử xã hội của con người trước hết là lịch sử của hoạt động sản xuất vật chất. Khi phân tích quá trình phát triển của lịch sử nhân loại C.Mác đã phát hiện ra cái sự thật đơn giản là trước hết con người phải ăn, uống, ở, mặc rồi mới lo đến việc chính trị, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, tôn giáo… Đúng vậy, ăn, uống, ở, mặc là những nhu cầu cơ bản, đầu tiên của con người, có nó con người mới tồn tại và phát triển được. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất ra những tư liệu thỏa mãn những nhu cầu ấy. C.Mác cũng phát hiện ra, cái quy định hành vi lịch sử đầu tiên và cũng là động lực thúc đẩy con người hoạt động là nhu cầu và lợi ích. Nhu cầu của con người được hình thành một cách khách quan trong đời sống và rất phong phú đa dạng, hoạt động thực tiễn nhằm thỏa mãn nhu cầu này lại làm nảy sinh nhu cầu khác. Việc không ngừng nảy sinh nhu cầu mới là động lực thúc đẩy con người hoạt động, là động lực phát triển xã hội. Ở thời đại sống thành bầy đàn, hoạt động để tồn tại của con người còn mang tính chất thụ động, chỉ nhằm chiếm lĩnh những sản vật có sẵn trong tự nhiên để thỏa mãn nhu cầu trực tiếp của mình, thỏa mãn nhu cầu sinh tồn của mình. Và với việc thỏa mãn nhu cầu và sự tăng thêm ngày càng nhiều số lượng cá thể trong bầy đã làm cho lượng cầu của con người tăng lên nhanh chóng. Khi lượng cầu tăng đến một mức độ nhất định thì những sản vật có sẵn trong tự nhiên không còn đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của họ. Do đó, nhằm duy trì sự tồn tài và phát triển của mình, con người phải trực tiếp cải tạo giới tự nhiên tức là con người phải lao động. Bằng lao động và thông qua lao động, con người sản xuất ra đời sống xã hội của mình, trước hết là đời sống vật chất - một đời sống do chính con người tạo ra, khác về chất so với đời sống chỉ biết lợi dụng những gì có sẵn trong tự nhiên ở thời đại bầy đàn.

C.Mác cho rằng hành vi lịch sử đầu tiên mà thông qua đó con người sáng tạo ra đời sống xã hội của mình nhằm tạo ra những tư liệu sinh hoạt tức sản xuất vật chất là lao động. Chính người lao động là chủ thể của quá trình lao động sản xuất. Bằng lao động sản xuất vật chất, con người đã chứng minh mình là một sinh vật có tính loài, có ý thức, một sinh vật xã hội. Chính nhờ lao động mà con người mới tách khỏi thế giới động vật và đạt được nhiều thành tựu trong việc chinh phục tự nhiên. Trong tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức” C.Mác viết rằng: “Có thể phân biệt con người với súc vật bằng ý thức, bằng tôn giáo nói chung, bằng bất cứ gì cũng được. Bản thân con người bắt đầu tự phân biệt với súc vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra tư liệu sinh hoạt cho mình”.

*1.1.3 Những yếu tố của quá trình sản xuất vật chất*

Để tiến hành một quá trình sản xuất vật chất, về cơ bản cần có ba yếu tố: hoạt động vật chất có mục đích của con người; những tư liệu vật chất cho chính hoạt động ấy và đối tượng vật chất khách quan mà hoạt động này hướng vào nhằm thay đổi chúng.

Trong sản xuất vật chất, con người phải sử dụng các năng lực vốn có của mình, trước hết là những sức mạnh vật chất để tác động vào các đối tượng vật chất làm thay đổi tính chất, cấu trúc, hình thái của chúng. Bởi vì, con người không thể có bất kỳ sự trao đổi nào nếu như tự bản thân mình không có gì. Tuy sức mạnh này không giữ vai trò quyết định, song chúng luôn ảnh hưởng theo những mức độ khác nhau đến quá trình sản xuất vật chất. Về sau, lao động của con người ngày càng mở rộng và nâng cao lên thì những lực lượng đó sẽ thâm nhập sâu vào sản xuất vật chất và vai trò của chúng sẽ tăng lên.

Mọi hoạt động của con người đều cần phải có đối tượng. Những hoạt động sản xuất vật chất đầu tiên của con người chỉ có thể lấy được từ giới tự nhiên, con người thường xuyên dựa vào giới tự nhiên để tìm kiếm đối tượng lao động cho mình, mà mọi hoạt động sản xuất vật chất riêng biệt đều có đối tượng cụ thể của nó. Như C.Mác đã khẳng định giới tự nhiên là môi trường tồn tại hoạt động của con người, “tự nhiên là thân thể của con người và con người là một thực tại của giới tự nhiên”. Muốn sản xuất vật chất cần phải có tư liệu lao động, tức là những tư liệu và phương tiện làm khâu trung gian truyền tải sức lao động từ con người đến đối tượng. Trong bộ “Tư bản” C.Mác chỉ rõ, một hàng hóa bất kỳ luôn có sự kết tinh trong nó sức lao động của con người, nhưng nếu mổ xẻ nó ra thì ta không thể tìm thấy bất kỳ một gam sức lao động nào trong đó. Cho nên sức lao động không thể tự hoạt động để đến với đối tượng nếu thiếu tư liệu lao động. Tư liệu lao động của sản xuất vật chất gồm hai thành phần chủ yếu: Công cụ lao động và các phương tiện hỗ trợ khác. Trong quá trình sản xuất, con người bằng việc chế tạo ra tư liệu lao động mà đặc biệt là công cụ lao động đã tạo ra sự liên kết tất yếu trong quá trình lao động. Việc tạo ra công cụ lao động là một bước ngoặt và làm cho con người từ chỗ là nô lệ của tự nhiên đã trở thành chủ thể chinh phục tự nhiên và sản xuất vật chất bắt đầu với việc chế tạo ra công cụ lao động của con người.

Những đối tượng lao động và những tư liệu lao động hợp thành tổng thể những yếu tố “vật” của nền sản xuất bên cạnh yếu tố “người” thể hiện sức mạnh vật chất mang tính vật thể của con người được C.Mác gọi là tư liệu sản xuất.

Tất cả những yếu tố phân tích trên đây hợp thành một thể thống nhất, làm nền tảng vật chất cho quá trình sản xuất của con người. C.Mác gọi đó là lực lượng sản xuất.

*1.1.4 Đặc trưng cơ bản của lực lượng sản xuất*

- Lực lượng sản xuất là những lực lượng vật chất khách quan được con người đưa vào quá trình sản xuất của mình.

- Trong mổi nền sản xuất vật chất, lực lượng sản xuất thể hiện mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên và hoạt động của mổi yếu tố trong lực lượng sản xuất đều thực hiện trực tiếp hay gián tiếp một phương diện nào đó của mối quan hệ này.

- Lực lượng sản xuất là mặt nội dung của mọi quá trình sản xuất; đây là mặt năng động, ít bền vững, dễ thay đổi và thường xuyên phát triển.

**1.2. Kết cấu của lực lượng sản xuất**

Trong bộ “Tư bản” C.Mác đã chú trọng đặc biệt đến các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất nhất là công cụ lao động và con người. Qua đó, làm sáng tỏ mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, cũng như tính sáng tạo và định hướng trong hoạt động của con người. Đồng thời C.Mác cũng khẳng định, cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học đóng vai trò ngày càng to lớn và sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác lực lượng sản xuất gồm ba bộ phận: Người lao động; TLSX; KH-CN

*1.2.1. Người lao động*

Khi phân tích về lực lượng sản xuất trong xã hội tư bản, C.Mác viết: “Trong tất cả những công cụ sản xuất thì lực lượng sản xuất hùng mạnh nhất là bản thân giai cấp cách mạng”. Như vậy, C.Mác đã khẳng định con người là yếu tố có vai trò to lớn nhất, quyết định trong lực lượng sản xuất. Cũng vấn đề đó, V.I.Lênin viết: “Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động”. Giống như C.Mác, V.I.Lênin đặt con người vào vị trí hàng đầu, số một; các ông đều coi con người phải là người công nhân, giai cấp tiên tiến, nghĩa là đều nhấn mạnh đến “chất lượng” của người lao động. Như vậy, trong toàn bộ các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất thì người lao động là yếu tố có vai trò quan trọng nhất, quyết định nhất. Bởi vì người lao động là nhân tố hoạt động kết hợp và phát huy sức mạnh của các yếu tố khác tham gia vào toàn bộ quá trình sản xuất, những yếu tố này được phát huy thế nào đều do năng lực, trình độ, thị hiếu và mục đích của con người quy định thông qua những hành động và thao tác vật chất của họ.

Đúng vậy, chính người lao động là chủ thể, với sức mạnh và kỹ năng lao động của mình, sử dụng tư liệu lao động để sản xuất ra của cải vật chất. Cùng với quá trình lao động sản xuất, sức mạnh, kỹ năng của con người ngày càng được tăng thêm, đặc biệt là hàm lượng trí tuệ của người lao động ngày càng cao. Như thế, con người tham gia vào quá trình lao động sản xuất với tư cách là một yếu tố của lực lượng sản xuất, trước hết bằng chính sức mạnh cơ bắp của mình. Đồng thời với quá trình đó, tự nhiên tác động trở lại làm cho con người ngày càng hoàn thiện về trí tuệ và như thế “lao động đã sáng tạo ra chính bản thân con người”. Khi nhắc đến con người trong lực lượng sản xuất chúng ta thường chú trọng đến kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm của người lao động. Điều này đúng nhưng chưa đủ, mà: “Người lao động là con người có kinh nghiệm sản xuất, kỹ năng lao động và kiến thức nhất định, có thể vận dụng tư liệu lao động để tác động vào đối tượng lao động, tức là có năng lực lao động nhất định mà còn phải có trí lực nhất định, bởi vì sản xuất vật chất là hoạt động có mục đích, có ý thức, vừa có sự hao tổn về thể lực, vừa cần sự hao tổn về trí lực, hơn nữa cùng với việc ngày càng phát triển sức lao động và tiến bộ của khoa học kỹ thuật, nhân tố trí lực chiếm tỷ lệ ngày càng cao, vai trò của người lao động trí óc ngày càng lớn và rõ rệt”.

Người lao động không chỉ tái sản xuất ra sức lao động mà còn luôn nâng cao chất lượng của lao động bằng con đường kế thừa các yếu tố xã hội và phát triển chúng. Những kinh nghiệm của thế hệ trước về quá trình sản xuất đều được các thế hệ sau duy trì, phát triển và kế thừa những thành quả trong quá trình sản xuất bao gồm công cụ, phương tiện vật chất, kinh nghiệm sản xuất... Con người là yếu tố cơ bản, là lực lượng chủ đạo quyết định sự phát triển của lực lượng sản xuất. Sản xuất vật chất là cơ sở, nền tảng cho sự tồn tại và phát triển của loài người. Cơ sở, nền tảng này do con người quyết định vì con người là chủ thể nên nếu không có con người sẽ không có quá trình sản xuất và cũng không có lực lượng sản xuất. Nên có thể nhận định rằng: con người là chủ thể quyết định mọi quá trình vận động và phát triển lịch sử.

*1.2.2. Tư liệu sản xuất*

Tư liệu sản xuất là khái niệm đặc trưng cho toàn bộ yếu tố “vật” của lực lượng sản xuất. Được cấu thành từ hai bộ phận: Đối tượng lao động và tư liệu lao động.

*1.2.2.1 Đối tượng lao động:*

Là những sự vật mà hoạt động của con người tác động vào nhằm làm biến đổi cho phù hợp với mục đích của con người. Đối tượng lao động gồm có hai loại cơ bản: Đối tượng lao động tự nhiên và đối tượng lao động do con người sáng tạo ra từ những sự vật do tự nhiên cung cấp.

Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Nhưng chỉ bộ phận nào của giới tự nhiên được đưa vào sản xuất, được con người sử dụng mới là đối tượng lao động trực tiếp. Những bộ phận này của giới tự nhiên, con người chỉ cần sử dụng lao động cùng với hành vi lao động của mình tác động vào sẽ tạo ra của cải vật chất nhằm đáp ứng nhu cầu sống của con người. Loại đối tượng lao động tự nhiên gồm: Khoáng sản, lâm sản, đất đai, hải sản…

Ngoài ra, ta thấy rằng nhu cầu của con người ngày càng cao, họ luôn luôn không thỏa mãn với những gì mà tự nhiên cung cấp dưới dạng có sẵn. Từ những sự vật do tự nhiên cung cấp, con người đã sáng tạo ra những đối tượng lao động mới, đó là các loại hóa chất, sợi tổng hợp, các chất hợp kim….Đây là những thứ do tự nhiên cung cấp, nhưng qua quá trình sản xuất, nó đã tích lũy một lượng lao động nhất định, được con người cải tạo và đưa vào quá trình sản xuất tiếp theo. Trong bộ “Tư bản” C.Mác gọi đối tượng lao động này là “nguyên liệu” và phân biệt rõ với loại có sẵn trong tự nhiên: “Mọi nguyên liệu đều là đối tượng lao động nhưng không phải mọi đối tượng lao động đều là nguyên liệu. Đối tượng lao động chỉ trở thành nguyên liệu khi trải qua sự biến đổi nào đó do lao động gây ra”.

Đối tượng lao động là yếu tố tự nhiên nhưng mặt khác nó thể hiện một phần tính đại diện của con người: “Đối tượng lao động là sự đối tượng hóa đời sống có tính loài của con người, con người nhân đôi mình không chỉ về mặt trí tuệ như đã xảy ra trong ý thức mà còn nhân đôi một cách hiện thực, một cách tích cực và con người ngắm nhìn bản thân trong thế giới do mình tạo ra”.

*1.2.2.2 Tư liệu lao động*

C.Mác đã viết: “Tư liệu lao động là một vật hay toàn bộ những vật mà con người đặt ở giữa họ và đối tượng lao động, và được họ dùng làm vật truyền dẫn hoạt động của họ vào đối tượng ấy”. Như vậy, tư liệu lao động là vật thể hay phức hợp vật thể mà con người đặt giữa mình với đối tượng lao động, chúng dẫn truyền sự tác động của con người vào đối tượng lao động.

Tư liệu lao động là cái thường xuyên biến đổi, trong đó đặc biệt phải nói đến sự biến đổi của công cụ lao động. Bởi vì, trong các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất thì công cụ lao động là yếu tố động nhất, luôn biến đổi và phát triển không ngừng trong quá trình sản xuất. Không chỉ có vậy, công cụ lao động còn là yếu tố cách mạng nhất và là yếu tố có ý nghĩa quyết định trong tư liệu sản xuất. Công cụ lao động là yếu tố “nhân” lên sức mạnh của con người trong quá trình lao động sản xuất. Với mục đích tăng năng suất lao động và giảm cường độ lao động, con người đã sáng tạo ra công cụ lao động để “nối dài các khí quan” và tăng sức mạnh cơ bắp của mình. Nhờ đó, công cụ lao động ngày càng được cải tiến và hoàn thiện, nó có thể thay thế hầu hết các thao tác kỹ thuật khéo léo của con người. Chính sự cải tiến và hoàn thiện không ngừng này đã làm biến đổi toàn bộ tư liệu sản xuất. Xét đến cùng, sự phát triển của công cụ lao động là nguyên nhân sâu xa của mọi biến đổi xã hội.

Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mà chủ yếu là công cụ lao động là thước đo trình độ chinh phục tự nhiên của con người, là tiêu chuẩn phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau trong lịch sử loài người. Chính C.Mác đã viết: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào. Các tư liệu lao động không những là cái thước đo sự phát triển của sức lao động của con người, mà còn là một chỉ tiêu của những quan hệ xã hội trong đó lao động được tiến hành”.

Cùng với sự phát triển của tư liệu lao động thì kinh nghiệm sản xuất của con người cũng được phát triển phong phú thêm, những ngành sản xuất mới xuất hiện, sự phân công lao động phát triển.

Giữa các yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất đều có sự tác động biện chứng, sự hoạt động của tư liệu lao động phụ thuộc vào trí thông minh, trình độ hiểu biết, kinh nghiệm của người lao động. Đồng thời, những kinh nghiệm và thói quen của người lao động lại phụ thuộc vào tư liệu sản xuất hiện có, vào chỗ họ sử dụng tư liệu sản xuất nào.

*1.2.3. Khoa học - công nghệ*

Khoa học - công nghệ là yếu tố cấu thành lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, nếu như trong những giai đoạn phát triển trước, khoa học - công nghệ là các yếu tố gián tiếp của lực lượng sản xuất, đứng ngoài quá trình sản xuất trực tiếp theo nghĩa là từ khoa học - công nghệ đến sản xuất phải trải qua một thời gian biến đổi lâu dài, tới hàng chục năm thậm chí hàng trăm năm, thì ngày nay trong sự phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học đóng góp ngày càng to lớn và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. C.Mác từng nhấn mạnh: “Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ biến đã chuyển hóa đến mức độ nào đó thành lực lượng sản xuất trực tiếp, do đó nó cũng là chỉ số cho thấy những điều kiện của chính quá trình sống của xã hội đã phục tùng đến mức độ nào sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và đã được cải tạo đến mức độ nào đó cho phù hợp với quá trình ấy”.

C.Mác cũng đã nhiều lần nói đến điều kiện để khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp như “Có một lực lượng sản xuất khác mà tư bản có được, không mất khoản chi phí nào, đó là sức mạnh của khoa học. Nhưng tư bản chỉ có thể chiếm hữu được sức mạnh khoa học ấy bắng cách sử dụng máy móc”, hay: “Sự phát triển của hệ thống máy móc trên con đường ấy chỉ bắt đầu khi nền đại công nghiệp đạt đến một trình độ phát triển cao hơn và tất cả các bộ môn khoa học đều đưa vào phục vụ tư bản, còn bản thân hệ thống máy móc hiện có thì có những nguồn lực to lớn. Như vậy, phát minh trở thành một nghề đặc biệt, và đối với nghề đó thì vận dụng vào sản xuất trực tiếp nó trở thành một trong những yếu tố có tính chất quyết định và kích thích”. Như vậy, để khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì cần phải có các điều kiện: Thứ nhất, nền sản xuất phải đạt đến một trình độ phát triển cao. Thứ hai, khoa học phải đạt đến một trình độ phát triển nhất định đủ sức giải quyết những vấn đề cấp thiết do thực tiễn sản xuất đặt ra.Thứ ba, sự liên minh, liên kết toàn cầu về kinh tế giữa các quốc gia và vùng lãnh thổ với nhau, thuận lợi thúc đẩy khoa học - công nghệ nhanh chóng đi vào sản xuất, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Ta thấy rằng, khoa học - công nghệ vốn bắt nguồn từ hoạt động lao động sản xuất và là kết quả lao động nhận thức của con người, gắn liền và phụ thuộc vào con người. Khoa học - công nghệ trở thành lực lượng vật chất là nhờ được con người vận dụng vào trong lao động để nâng cao và hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo. Ngày nay, khoa học đã thâm nhập sâu vào quá trình sản xuất và đã trở thành “lực lượng sản xuất trực tiếp”. Những phát minh khoa học đã trở thành điểm xuất phát ra đời những ngành sản xuất mới, công nghệ mới, nguyên vật liệu mới; đội ngũ các nhà khoa học trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất ngày càng đông, tri thức khoa học trở thành một yếu tố không thể thiếu được của người lao động. Sự thâm nhập ngày càng sâu của khoa học vào sản xuất đã làm cho lực lượng sản xuất có bước nhảy vọt, tạo thành cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Điều này đã chứng minh thiên tài của C.Mác khi ông cho rằng khoa học sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

**1.3. Lực lượng sản xuất trong mối quan hệ với quan hệ sản xuất**

Lực lượng sản xuất là nội dung thường xuyên biến đổi, phát triển; quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của sản xuất, tương đối ổn định. Sự tác động qua lại lẫn nhau một cách biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tạo thành quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Sự phát triển của xã hội được đánh dấu bằng trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trình độ của lực lượng sản xuất biểu hiện ở trình độ công cụ lao động, trình độ, …Gắn liền với trình độ của lực lượng sản xuất là tính chất của lực lượng sản xuất. Trong lịch sử xã hội, lực lượng sản xuất đã phát triển từ chỗ có tính chất cá nhân lên tính chất xã hội hóa. Khi sản xuất dựa trên công cụ thủ công, phân công lao động xã hội kém phát triển thì lực lượng sản xuất chủ yếu có tính chất cá nhân..

Trong quá trình sản xuất, giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có mối quan hệ tác động qua lại với nhau. Trong mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì lực lượng sản xuất bao giờ cũng giữ vai trò quyết định.

Chính C.Mác đã nhấn mạnh: “Do có được những lực lượng sản xuất mới, loài người thay đổi phương thức sản xuất, cách kiếm sống của mình, loài người thay đổi tất cả những quan hệ xã hội của mình, cái cối xay chạy bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp”. Sự phát triển của lực lượng sản xuất đến một trình độ nhất định sẽ làm cho quan hệ sản xuất từ chỗ phù hợp trở thành không phù hợp. Khi đó quan hệ sản xuất sẽ trở thành “xiềng xích” kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển. C.Mác viết: “Trong sự sản xuất ra đời sống xã hội của mình, con người ta có những quan hệ nhất định, tất yếu, không tùy thuộc vào ý muốn của họ, tức những quan hệ sản xuất, những quan hệ này phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất vật chất của họ. Tới một giai đoạn phát triển nào đó, các lực lượng sản xuất vật chất của xã hội sẽ mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có, hay - đây chỉ là biểu hiện pháp lý của những quan hệ sản xuất đó - mâu thuẫn với những quan hệ sỡ hữu, trong đó trước đến nay các lược lượng sản xuất vẫn phát triển. Từ chỗ những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những quan hệ ấy trở thành “xiềng xích” của lực lượng sản xuất, khi đó bắt đầu thời đại của một cuộc cách mạng xã hội”.

Như vậy, có thể khẳng định rằng lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất nhưng bản thân quan hệ sản xuất cũng có tính độc lập tương đối và tác động trở lại sự phát triển của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất quy định mục đích của quá trình sản xuất, tác động đến thái độ của người lao động, đến tổ chức phân công lao động xã hội, đến sự phát triển và ứng dụng. Chính quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa đã góp phần thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển như C.Mác đã khẳng định do đẩy mạnh sự phát triển của lực lượng sản xuất, giai cấp tư sản đã tạo ra cho nhân loại một khối lượng của cải vật chất bằng tất cả các xã hội trước cộng lại. Nhưng cùng với sự phát triển của sản xuất thì quan hệ bóc lột giá trị thặng dư của nhà tư bản với lao động làm thuê, dựa trên trình độ lực lượng sản xuất là nền sản xuất bằng máy móc mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao sẽ không còn phù hợp. Từ đó sẽ dẫn tới mâu thuẫn gay gắt giữa chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa với lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao. Chủ nghĩa tư bản ngày càng phát triển thì mâu thuẫn đó càng tăng lên và đòi hỏi phải thủ tiêu nó. “Bản thân lực lượng sản xuất, Ph.Ăngghen đã khẳng định với một sức mạnh ngày càng tăng cũng mong muốn tới chỗ thủ tiêu mâu thuẫn ấy đến chỗ tự thoát khỏi cái tính chất tư bản của chúng, đến chỗ thực tế thừa nhận tính chất của chúng là những lực lượng sản xuất xã hội”.

**1.4. Vai trò của lực lượng sản xuất trong phát triển xã hội**

Sản xuất vật chất là hoạt động đặc trưng nhất, là hành vi lịch sử đầu tiên của con người và xã hội loài người. Nó làm cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Con người là một sinh vật sống, muốn tồn tại con người phải có khả năng sống rồi mới có thể “làm ra lịch sử”, tức là phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác. Như vậy, con người dù ở thời đại nào nguyên thủy hay tư bản chủ nghĩa thì cũng phải lao động sản xuất vật chất. “Sản xuất vật chất là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên nhằm tạo ra của cải vật chất thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người”.

Sản xuất ra của cải vật chất để duy trì sự tồn tại và phát triển của mình, con người đồng thời sáng tạo ra toàn bộ đời sống vật chất và tinh thần của xã hội. Trong quan hệ sản xuất vật chất này, con người không ngừng làm biến đổi tự nhiên, biến đổi xã hội và biến đổi bản thân mình. Chính sự phát triển của sản xuất vật chất quyết định sự biến đổi, phát triển các mặt khác của đời sống xã hội, quyết định phát triển xã hội từ thấp đến cao.

Như vậy, sản xuất vật chất là nền tảng, cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người. Nhưng yếu tố nào trong sản xuất vật chất quyết định điều này? Đó chính là mối quan hệ giữa người với tự nhiên trong sản xuất, tức là lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất là lực lượng trực tiếp làm ra của cải vật chất cho xã hội để xã hội tồn tại và phát triển. Nó là nền tảng vật chất - kỹ thuật của mỗi chế độ xã hội. Đây là vai trò đầu tiên, quan trọng nhất, chủ yếu nhất của lực lượng sản xuất trong xã hội.

“Hình thái kinh tế xã hội là một phạm trù của chủ nghĩa duy vật lịch sử dùng để chỉ xã hội ở từng giai đoạn lịch sử nhất định, với một kiểu quan hệ sản xuất đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất, và với một kiến trúc thượng tầng tương ứng được xây dựng trên những quan hệ sản xuất ấy”. Qua quá trình phân tích ta có thể thấy rằng trong các mặt của hình thái kinh tế - xã hội thì lực lượng sản xuất có vai trò quyết định nhất. Suy đến cùng, sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định sự hình thành, phát triển và thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội.

Mục đích phát triển của lực lượng sản xuất là nhằm nâng cao hơn nữa năng suất lao động, để từ đó thay đổi điều kiện và mức sống của con người. Do đó, nó là nhân tố quan trọng để đảm bảo sự phát triển của xã hội. Năng suất lao động là thước đo trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nhưng làm sao để nâng cao năng suất lao động? Trước hết phải luôn cải tiến và hoàn thiện công cụ lao động, vì công cụ lao động là yếu tố quyết định nhất đến năng suất lao động. Trong xã hội công xã nguyên thủy, con người chỉ bằng việc cải tạo những công cụ lao động của mình từ đồ đá sang sử dụng các công cụ sản xuất bằng kim khí. Điều này đã giúp quá trình sản xuất ra của cải vật chất của con người không chỉ đủ ăn mà còn có của cải dư thừa, năng suất lao động cũng tăng lên. Trong xã hội tư bản, với việc sử dụng máy móc một cách phổ biến thay thế cho sản xuất thủ công đã làm sức sản xuất trong quá trình lao động được giải phóng khỏi kỹ năng thủ công của người lao động và của quá trình sản xuất. Từ đó, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một khối lượng sản phẩm hàng hóa khổng lồ hơn tất cả các xã hội trước đó cộng lại. Cải tiến và hoàn thiện công cụ lao động nhằm đưa lại năng suất lao động cao. Việc tăng năng suất lao động làm cho giá cả hàng hóa giảm xuống, đời sống vật chất của con người được nâng lên, kéo theo đó đời sống tinh thần cũng phong phú hơn. Sự phát triển của công cụ lao động sẽ giải phóng sức lao động của con người, của cải vật chất làm ra sẽ nhiều hơn, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện.

Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học - công nghệ đóng vai trò ngày càng quan trọng, việc ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất sẽ nâng cao năng suất lao động xã hội. Chính C.Mác đã dự đoán: “Cơ sở chủ yếu của sản xuất và của cải không phải lao động trực tiếp do chính con người thực hiện và không phải là thời gian trong đó anh ta lao động, mà là sự chiếm hữu sức sản xuất phổ biến của chính con người, là nhận thức của con người về giới tự nhiên và về sự thống trị giới tự nhiên do sự tồn tại của con người với tư cách là một cơ thể mang tính xã hội”.

Trong thế kỷ XX, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã làm nên những kỳ tích kỳ diệu, tạo ra những bước nhảy vọt trong tất cả các lĩnh vực sản xuất của đời sống xã hội. Chính nhờ việc áp dụng những thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là cơ chế tự động hóa đã đưa người lao động không còn tham gia trực tiếp, nay chỉ còn tham gia gián tiếp vào quá trình sản xuất. C.Mác viết: “Thay vì làm tác nhân của quan hệ sản xuất người công nhân lại đứng bên cạnh nó”. Nhờ vậy, năng suất lao động được nâng cao, thời gian lao động cần thiết được rút ngắn, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của mỗi người.

Như vậy, khoa học - công nghệ đóng vai trò ngày càng to lớn và trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Nhưng cái gì đã thúc đẩy khoa học - công nghệ phát triển, đó chính là sự phát triển của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất phát triển đã tạo ra nhiều nhà xưởng, máy móc và các phương tiện cần thiết, tức là đã tạo ra điều kiện vật chất cho nghiên cứu khoa học.

Ở thời đại của C.Mác, khoa học - công nghệ chỉ có thể biểu thị như một lực lượng sản xuất tiềm năng, chưa thể trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Bởi vì, khi lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp, khoa học - công nghệ không thể trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất mà phải trải qua nhiều khâu trung gian. Còn ngày nay, khi lực lượng sản xuất phát triển đạt đến một trình độ nhất định thì lại đặt ra những vấn đề, yêu cầu đòi hỏi khoa học - công nghệ phải có phương thức giải quyết phù hợp, kịp thời nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, qua đó khoa học - công nghệ cũng phát triển theo. Như vậy, lực lượng sản xuất đã tạo ra những cơ sở vật chất - kỹ thuật quan trọng, những nhu cầu cấp thiết cho sự xuất hiện những tri thức khoa học mới, nhiều ngành khoa học mới. Hay nói cách khác nó trở thành điểm xuất phát, cơ sở, động lực, mục tiêu của nghiên cứu khoa học…

Thực tiễn hơn hai năm đổi mới đất nước kể từ Hội lần thứ VI(1986) của Đảng đến nay đã chứng minh một cách thuyết phục rằng, lực lượng sản xuất đóng vai trò quan trọng trong nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay. Nó là yếu tố giữ vai trò quyết định, là cơ sở, động lực phát triển cho xã hội Việt Nam nói riêng và của mọi quá trình phát triển của lịch sử xã hội loài người nói chung.

**CHƯƠNG 2**

VAI TRÒ CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRONG QUÁ TRÌNH

CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở VIỆT NAM

**2.1. Tính tất yếu khách quan của công nghiệp hóa hiện đại hóa**

Công nghiệp hóa ,hiện đại hóa là xu hướng phát triển toàn cầu.Chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh xâm lược, tàn phá hết sức nặng nề, cần phải nhanh chóng vươn lên, nắm bắt cơ hội, vượt qua thử thách, phát triển nhanh và bền vững để hội nhập khu vực và thế giới. Vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát triển kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.Kế thừa có chọn lọc những tri thức văn minh của nhân loại rút những kinh nghiệm trong lịch sử tiến hành công nghiệp hóa hiện đại hóa ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới ,Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ bảy khóa VI và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định: công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện và phương phát tiên tiến hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Do những biến đổi của nền kinh tế thế giới và đặc tính của từng quốc gia mà từng quốc gia có những quan điểm khác nhau về công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những đặc điểm cơ bản của công nghiệp hóa ở Việt Nam ta :

*Thứ nhất : Công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.*

Trong điều kiện cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang có những bước phát triển nhanh chóng và xu thế quốc tế hóa kinh tế hiện nay, công nghiệp hóa nhất thiết phải gắn liền với hiện đại hóa.Nhiều nước phát triển đã bắt đầu chuyển từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức nhưng với điều kiện còn hạn chế như thiếu vốn, chất lượng lao động còn thấp ... như ở nước ta không thể đi ngay vào trình độ công nghệ cao nhất là kỹ thuật và công nghệ trên quy mô toàn xã hội. Bởi vậy những ngành, những khâu, những linh vực có điều kiện nhảy vọt cao ta cần chú trọng phát triển và ưu tiên hiện đại hóa trước tiên để góp phần cải tiến lực lượng sản xuất. Việc tiếp cận chuyển giao và phát triển khoa học công nghệ là cần thiết nhưng đồng thời phát huy đây đủ tính ưu việt của công nghệ truyền thống đạt được mục tiêu khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất.

*Thứ hai : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đi đôi với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới.*

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối chính sách, “tự chủ” không có nghĩa là “ tự cấp, tự túc khép kín nền kinh tế” mà chỉ có nền kinh tế phát triển mạnh, phát triển bền vững mới có khả năng độc lập tự chủ đồng thời là tiền đề đảm bảo cho độc lập tự chủ của dân tộc.Nền kinh tế mở là điều kiện để kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, khai thác tổng hợp sức mạnh bên trong và nguồn lực bên ngoài cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa .Đó là nền kinh tế dựa trên cơ sở phát triển các quan hệ hợp tác đa phương, đa hình thức, hướng mạnh vào xuất khẩu và thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả nhằm tạo nguồn vốn cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.Quan trọng là nguồn lực trong nước bên cạnh đó tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

*Thứ ba :Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của tất cả các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.*

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; công nghiệp hóa, hiện đại hóa không phải là công việc riêng của một bộ phận, giai cấp nào mà là sự nghiệp của toàn dân nên đòi hỏi phải huy động sức mạnh cao độ của toàn dân về mọi mặt: sức lao động, tiền vốn, tài năng, kinh nghiệm…có sự quản lý và chỉ huy của Nhà nước.Trong cơ cấu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, mỗi thành phần kinh tế có vai trò, vị trí và đặc điểm riêng trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, định hướng chi phối và làm đòn bẩy cho các nền kinh tế khác cũng như cho cả nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

*Thứ tư : Khoa học công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

Để khoa học - công nghệ thực sự là nền tảng và động lực của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì phải gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với thực tiễn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải tăng đầu tư cho cho hoạt đông khoa học - công nghệ đúng với nghĩa là “quốc sách hàng đầu”. Như vậy vấn đề đặt ra không chỉ giới hạn ở việc xử lý các vấn đề công nghệ và kỹ thuật trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà còn phải khai thác có hiệu quả các tiến bộ khoa học - công nghệ đặc biệt là phải quan tâm xây dựng và phát huy tốt lực lượng nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ.

*Thứ năm : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững; công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững.*

Các nguồn lực như tài nguyên thiên nhiên ,vị trí địa lý ... là có hạn có thể bị cạn kiệt khi khai thác sử dụng thời gian dài thì trong đó nguồn lực con người mà cốt lõi là trí tuệ lại là nguồn lực vô tận.Tính vô tận trí tuệ con người biểu hiện ở chỗ nó không chỉ có khả tăng tái sinh mà còn ngày càng phát triển nếu được chăm lo ,nuôi dưỡng, khai thác hợp lý.Công nghiệp hóa, hiện đại hóa do con người và vì con người, con người vừa là mục đích vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Việc thực hiện và hòa thành tốt công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa có ý nghĩa đặc biệt to lớn và có tác dụng hoàn thiện nhiều mặt trong xã hội.Để thực hiện thành công chúng ta cần phải có cái nhìn khách quan, biện chứng để từ đó xây dựng những nội dung, phương hướng, bước đi…cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhận thức rõ điều này, Đảng và Nhà nước ta đã có những quan điểm đúng đắn, có tính chất cách mạng, phù hợp thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước và bối cảnh quốc tế, đáp ứng được yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng như nguyện vọng của quần chúng nhân dân.

2.2. Vai trò của lực lượng sản xuất đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội bao gồm con người và những công cụ lao động do con người tạo ra là chủ yếu , sự phát triển của lực lượng xã hội tự nó đã nói lên trình độ phát triển của xã hội qua việc con người đã chiếm lĩnh xã hội và sử dụng ngày càng nhiều lực lượng tự nhiên với tư cách là cơ sở vật chất cho hoạt động sống của chính con người và quyết định quan hệ giữa người với người trong xã hội.

*2.2.1. Vai trò của người lao động*

Thực tiễn cho thấy, sự phát triển kinh tế - xã hội phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhiều điều kiện nhưng chủ yếu và quan trọng nhất vẫn là phụ thuộc vào con người.Theo Mác “ phát triển sản xuất là sự phồn vinh của xã hội , vì cuộc sống tốt đẹp hơn cho mỗi thành viên trong cộng đồng xã hội và phát triển con người toàn diện là một quá trình thống nhất để làm tăng thêm nền sản xuất xã hội”.Điều khẳng định trên là đúng với hoàn cảnh nước ta trong giai đoạn cách mạng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ..Điều kiện vật chất để tiến hành sản xuất là tư liệu lao động và đối tượng lao động ,nhưng chỉ được phát huy khi có sức lao động của con người nhân tố quyết định của lực lượng sản xuất .Con người không chỉ quyết định sự ra đời của công cụ lao động mà còn quyết định cả quá trình vận hành của chúng. Máy móc, công cụ dù có hiện đại, tinh vi đến đâu nhưng không có con người sử dụng, vận hành cũng trở thành vô ích cũng chỉ là chiếc máy ,công cụ không hoạt động vô dụng.Con người trở thành yếu tố quyết định ,nhân tố chủ quan để tạo nên sự kết hợp hữu cơ các quan hệ vật chất trong lực lượng sản xuất,thống nhất chủ thể với khách quan. Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng ta đã: “lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững”. Tư liệu lao động tức công cụ lao động đưa vào sử dụng với mục đích gì ,để làm gì còn tùy ở con người, do con người quyết định.Con người dùng sức lực, trí tuệ ,sự sáng tạo của mình để chế tạo, vận hành, quy định mục đích sử dụng công cụ lao động cũng như quá trình lao động.Thông qua lao động con người dùng trí tuệ để nhận thức bản chất ,quy luật của các sự vật hiện tượng của thế giới khách quan từ đó làm tư liệu để sản xuất ,cải thiện tư liệu lao động cùng như phát triển toàn bộ lực lượng sản xuất. Không như cộng cụ ,máy móc có những hạn chế về mục đích tự giác ,thời hạn sử dụng thì con người có nhận thức và trí tuệ của con người là vô hạn .Gía trị và hiệu quả thực tế của tư liệu sản xuất phụ thuộc vào trình độ thực tế sử dụng và sáng tạo của người lao động.Không chỉ công cụ lao động mà khoa học - công nghệ cũng chịu sự quy định của con người, khoa học - công nghệ có phát triển đến đâu cũng không thể thoát khỏi “bàn tay trí tuệ” của con người, nó là sản phẩm của con người, gắn với con người và phục vụ con người. Nếu không xuất phát từ con người, được tiến hành bởi con người thì không có lý do gì mà khoa học - công nghệ cũng như quá trình sản xuất nào đó có thể tồn tại được.Kinh nghiệm của nhiều nước và thực tiễn của chính nước ta cho thấy, sự thành công của công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn phụ thuộc vào việc hoạch định đường lối, chính sách cũng như tổ chức thực hiện, nghĩa là phụ thuộc vào năng lực nhận thức và thực tiễn của con người. Quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa sẽ không thể đạt được kết quả tốt nếu không lựa chọn được mô hình đúng, các bước đi thích hợp và các giải pháp hữu hiệu, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước và bối cảnh quốc tế.Vai trò quyết định của nguồn lực con người chỉ trở thành hiện thực khi người lao động có những năng lực và phẩm chất cần thiết. Thực tế đã chứng minh người lao động chất lượng cao hay còn được gọi là người lao động lành nghề nắm vai trò rất quan trọng sự phát triển kinh tế xã hội vì họ có thể thực hiện công việc một cách nhanh gọn thuần thục dễ dang phát hiện cũng như sửa chưa những lỗi sai, vi phạm trong quá trình hoạt động khiến công việc hiệu quả hơn.

*2.2.2 Vai trò của tư liệu sản xuất*

Việt Nam ta đang từng bước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn rất nhiều khó khăn thử thách phía trước do đó ta phải biết tận dùng và sử dụng một cách hiệu quả nhất có thể mọi điều kiện thuận lợi cả bên trong và bên ngoài, khắc phục những yếu kém, khó khăn tạo nên sự cải tiến hóa làm con đường công nghiệp hóa của ta nhanh và hiệu quả hơn.

Nhấn mạnh vào yếu tố con người là quan trọng nhất trong tiến trình phát triển lực lượng sản xuất nhưng không thể xem nhẹ tư liệu sản xuất.Tư liệu sản xuất là một trong những yếu tố có tác động sâu sắc, có vị trí và vai trò quan trọng quyết định sự thành bại của tiến trình này.Trong tư liệu sản xuất bao gồm có tư liệu lao động và đối tượng lao động.

Trước hết là đối tượng lao động, đối tượng lao động cụ thể có thể là những tài nguyên thiên nhiên, cùng những đối tượng lao động mới được chúng ta sản xuất ra từ nguồn gốc của tự nhiên...Như nước Việt Nam ta có nguồn tài nguyên vô cùng phong phú mà trong lịch sử có biết bao nhiêu nước có ý muốn chiếm đoạt ,đó là lợi thế mà không phải muốn là có được mà là tự nhiên đã ban cho chúng ta ,ta phải biết nắm lấy phát huy được tiềm năng của nó.Các nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú này không chỉ trở thành những nguyên liệu quý, phục vụ cho quá trình sản xuất, phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, đặc biệt là công nghiệp nặng, mà bên cạnh đó còn là nguồn hàng xuất khẩu quý cho nhiều nước trên thế giới.Ở một nước đang trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn như ở nước ta hiện nay thì vai trò của tài nguyên thiên nhiên đặc biệt là tài nguyên đất, tài nguyên nước càng đặc biệt quan trọng.Nhưng do tài nguyên thiên nhiên không phải là vô hạn do đó ta phải tìm thêm những nhiên liệu mới thêm phong phú đối tượng lao động ứng dụng được cho sản xuất,đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại ngày nay.Sự phong phú này của đối tượng lao động là điều kiện thuận lợi cho sự tác động, khai thác cũng như sáng tạo ra giá trị vật chất mới của con người và xã hội.

Tư liệu lao động là một vật, hay là toàn bộ những vật mà con người đạt ở giữa họ với đối tượng lao động và được họ dùng làm vật truyền dẫn của họ vào đối tượng ấy. Nếu như trong tiến trình lịch sử tư liệu lao động càng phong phú, trí tuệ và năng lực của con người càng phát triển, khả năng nhận thức và cải biến tự nhiên của con người càng cao thì phạm vi đối tượng lao động càng được mở rộng. Điều đó nói lên rằng các yếu tố trong lực lượng sản xuất quan hệ rất chặt chẽ với nhau, tác động qua lại với nhau một cách biến chứng như là những yếu tố của hệ thống.Trong tư liệu sản xuất, tư liệu lao động có vai trò quan trọng, đặc biệt là công cụ lao động. Với mục đích tăng năng suất và giảm cường độ lao động, con người đã tạo ra công cụ lao động để “nối dài các khí quan” và tăng sức mạnh cơ bắp của mình, nó là yếu tố không thể thiếu được trong quá trình sản xuất nói chung và trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam nói riêng.Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, tư liệu lao động đang dần dần được hiện đại hóa, nó không chỉ đơn thuần là một bộ phận truyền dẫn các hoạt động của con người, mà còn góp phần định hướng hoạt động của con người một cách hiệu quả.Trong các xã hội trước, khi trình độ con người còn thấp, tư liệu lao động thô sơ, chủ yếu là những máy móc giản đơn thì nó chỉ là công cụ để con người sử dụng nhằm sản xuất ra của cải vật chất. Nhưng với sự phát triển cao của công nghệ, tư liệu lao động ngày càng thuận tiện hơn cho quá trình thực hiện tác động vào đối tượng lao động đồng thời có thể mang lại năng suất lao động cao hơn. Tư liệu lao động là yếu tố góp phần nâng cao năng suất lao động, giải phóng sức lao động, giảm thời gian lao động cần thiết. Không có tư liệu lao động công việc lao động sẽ trở nên vất vả tốn nhiều cả về thời gian lẫn công sức . Thực chất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì việc cải biến lao động thủ công thành lao động sử dụng kỹ thuật máy móc tiên tiến được đề cao hơn vì vừa rút ngắn được thời gian mà con tăng năng suất công việc. Đây là giai đoạn tạo bước chuyển căn bản trong việc sử dụng công cụ lao động từ máy móc thô sơ sang máy móc, trang thiết bị hiện đại, chuyên môn hóa, tự động hóa cao. Để có thể phát triển tư liệu sản xuất thì việc phát triển khoa học - công nghệ là một trong những sự lựa chọn hàng đầu của nhiều nước trên thế giới trong đó có cả Việt nam ta.Việt Nam sau hơn 20 năm đổi mới, khoa học - công nghệ nước ta bước đầu có sự chuyển biến tích cực. Khoa học xã hội và nhân văn đã chuyển hướng sang nghiên cứu, cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trong những năm gần đây, ở nước ta những thành tựu khoa học - công nghệ ngày càng tăng lên cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới…Những thành tựu này ngày càng tác động mạnh mẽ và trực tiếp đến sản xuất và các quá trình xã hội, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đồng thời làm tăng nhanh tính chất xã hội hóa và quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội .Việc áp dụng rộng rãi công nghệ điện tử và thông tin đã góp phần giải phóng phần lớn sức lao động, tạo ra số lượng và chất lượng sản phẩm ngày càng cao, nó cũng làm đối tượng lao động từ có sẵn trong tự nhiên là chủ yếu sang những nguyên liệu do con người tạo ra.Từ chỗ con người và xã hội không có nhu cầu cấp thiết về khoa học và công nghệ đã dẫn đến sự nhận thức và đánh giá không đúng về vai trò của chúng đối với sự phát triển của xã hội.Thì giờ ta có thể nhận thấy việc phát triển tư liệu lao động,cũng như công nghiệp hóa có những tác động rất thiết thực vào các lĩnh vực trong nền kinh tế của nước ta. Đầu tiên phải kể đến nền nông nghiệp khi mà trước đó việc làm đồng, sản xuất nông lâm sản thường được làm gần như 100% bằng sức người bằng thủ công thì giờ đây việc áp dụng máy móc, công nghệ hiện đại giúp giải phóng sức lao động của người nông dân, đồng thời nâng cao năng suất lao động. Tiếp đến là nền công nghiệp sản xuất việc sử dụng những trang thiết bị hiện đại vừa giảm lượng công việc còn giúp người lao động hạn chế những tác động nguy hiểm trong quá trình sản xuất. Đối với môi trường việc sử dụng máy móc thiết bị đã được hiện đại hóa giảm một lượng khí thải đáng kể ra môi trường so với những máy móc công cụ cũ. Khoa học - công nghệ góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cả về vật chất và tinh thần của nhân dân, làm thay đổi diện mạo của đất nước đặc biệt là nông thôn truyền thống, thu hẹp sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị trong xã hội hiện đại.

*2.2.3. Vai trò của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất*

Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ thống nhất biến chứng, trong đó lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất và quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất. Quan hệ xã hội mang tính khách quan,vì nó phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mà không phụ thuộc vào ý định sẵn có của con người. Với vai trò là nội dung vật chất,kỹ thuật của quá trình sản xuất, lực lượng sản xuất là yếu tố quyết định đối với quan hệ sản xuất tức là hình thức kinh tế của quá trình sản xuất ấy. Quan hệ sản xuất có thể thúc đẩy hoặc làm kìm hãm lực lượng sản xuất. Điều đó còn phụ thuộc vào sự phù hợp hay không phù hợp của mối quan hệ biến chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Tính ổn định, phù hợp của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất càng cao thì lực lượng sản xuất càng có khả năng phát triển, nhưng chính sự phát triển của lực lượng sản xuất lại luôn luôn tạo ra khả năng phá vỡ sự thống nhất của những quan hệ sản xuất từ trước đến nay đóng vai trò là hình thức kinh tế - xã hội cho sự phát triển của nó. Những quan hệ sản xuất này, từ chỗ là những hình thức phù hợp và cần thiết cho sự phát triển của các lực lượng sản xuất đã trở thành những hình thức kìm hãm sự phát triển đó, nó đã tạo ra một mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, từ đó suuát hiện nhu cầu khách quan phải thiết lập lại mối quan hệ thống nhất giữa chúng theo nguyên tắc quan hệ sản xuất phải phù hợp với nhu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Quan hệ sản xuất là yếu tố quyết định, là tiền đề cho lực lượng sản xuất phát triển khi nó phù hợp được với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nó làm nhiệm vụ chỉ ra mục tiêu bước đi và tạo quy mô thích hợp cho lực lượng sản xuất hoạt động ,cũng như đảm bảo lợi ích chính đáng của người lao động phát huy tính tích cực sáng tạo của con người- nhân tố quan trọng và quyết định trong lực lượng sản xuất.

2.3 . Những nhiệm vụ cơ bản nhằm phát huy có hiệu quả vai trò của lực lượng sản xuất đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.

Như ta đã đề cậpmuốn phát huy có hiệu quả vai trò của lực lượng sản xuất đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì nhất thiết và quan trọng nhất là phải xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của nó.

Từ những bài học kinh nghiệm của Việt Nam trước năm 1986 chúng ta càng thấy rõ hơn tính chất của vấn đề này. Lúc đó, chúng ta đã xây dựng một quan hệ sản xuất không phù hợp, đó là, trong cơ chế hành chính tập trung, quan liêu bao cấp, quan hệ sản xuất có tính chất vượt trước nhưng lại vượt trước không theo quy luật, chính điều này đã kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển, làm cho lực lượng sản xuất không phát huy được vai trò của nó Nhận thức được vấn đề này trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có những sửa đổi bằng cách xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần gắn với đa dạng hóa các hình thức sở hữu, bên cạnh đó còn chủ trương đổi mới cơ chế quản lý để kích thích và tạo hành lang pháp lý cho các thành phần kinh tế phát triển, đảm bảo lợi ích kinh tế của các chủ thể sở hữu. Tất cả những việc làm trên của Đảng và Nhà nước trong suốt chặng đường dài vừa qua là nhằm phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, nhanh chóng đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, tạo sự công bằng, bình đẳng trong xã hội. Thực tiễn đã chứng minh, từ năm 1986 đến nay nhờ những quan điểm đúng đắn này mà công cuộc đổi mới ở nước ta đã giành được nhiều thành tựu to lớn, lực lượng sản xuất sản xuất có bước phát triển mới, đời sống nhân dân được cải thiện. Như vậy, chính sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất đã tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển. Như vậy, để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công, việc phát triển kinh tế, mà cụ thể là phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần thì cần phải tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất đồng bộ.

*Thứ hai :Nguồn lực con người là yếu tố quyết định cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.*

Nghiên cứu con người đển phát triển con người, phát triển con người để đáp ứng những sự phát triển khác. Sự phát triển con người quyết định sự phát triển của mọi mặt. Để phát huy vai trò của nhân tố con người, chúng ta phải có các giải pháp thích ứng, nhưng trước hết và quan trọng nhất là phải phát triển giáo dục - đào tạo. Bởi vì, giáo dục - đào tạo là phương tiện hữu hiệu để phát triển trí tuệ, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, trang bị chuyên môn nghề nghiệp, cung cấp cho xã hội nguồn lao động có chất lượng cao. Với ý nghĩa đó giáo dục - đào tạo được coi là cơ sở chủ yếu để nâng cao hiệu quả sử dụng và phát triển nguồn nhân lực.Đảng ta đã có chủ trương đổi mới nền giáo dục một cách hợp lý, “quan tâm thích đáng đến cả mặt bằng lẫn đỉnh cao dân trí, cả trong giáo dục nhân cách, lý tưởng và đạo đức, trí lực và thể lực”, xây dựng nền giáo dục Việt Nam tiên tiến, có quy mô, trình độ và cơ cấu ngành nghề hợp lý - “nền giáo dục thấm nhuần sâu sắc tính nhân dân, tính dân tộc và tính hiện đại” .Ta có thể nhận thấy đa phần các nước phát triển trên thế giới đều rất đề cao vấn đề giáo dục và cho nó là một trong những mục tiêu hàng đầu góp phần phát triển kinh tế xã hội. Không chỉ quan tâm đến trí tuệ giáo dục mà ta còn phải quan tâm đến sức khỏe người dân để phát triển nguồn lực con người. Sức khỏe là điều kiện tiên quyết để duy trì và phát triển trí tuệ, là phương tiện tất yếu để chuyền tải tri thức vào hoạt động thực tiễn để biến tri thức thành sức mạnh vật chất.

*Thứ ba :Phát triển khoa học - công nghệ để thực sự là động lực then chốt của quá trình công nghiêp hóa, hiện đại hóa.*

Hướng trọng tâm hoạt động khoa học - công nghệ vào phục vụ công nghiêp hóa, hiện đại hóa góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế. Muốn vậy chúng ta phải thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ: Phát triển, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ có trọng tâm, trọng điểm quốc gia, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học - công nghệ; Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong nước và tiếp thu, sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trên thế giới; Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, tổ chức và hoạt động khoa học - công nghệ, xem đó là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả của khoa học - công nghệ.

**KẾT LUẬN**

Lực lượng sản xuất và quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa ở nước ta có mối quan hệ mật thiết và thống nhất với nhau. Lực lượng sản xuất là cơ sở vật chất, điều kiện sản xuất có vai trò quyết định đến công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước ta ngày nay. Ở nước ta, quá trình CNH-HĐH được tiến hành trong điều kiện công nghệ sản xuất và dịch vụ đang ở nhiều trình độ khác nhau xen kẽ thủ công với cơ khí, điện tử, tự động hoá; tồn tại nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành theo cơ chế thị trường Quá trình CNH-HĐH ở nước ta được thực hiện trên cơ sở đảm bảo sự kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội theo hướng phát triển bền vững, trong đó nhân tố con người (lực lượng sản xuất) là trung tâm, kết hợp chặt chẽ giữa CNH-HĐH với những bước đi thích hợp cho từng ngành kinh tế, từng khu vực sản xuất - dịch vụ xã hội và trong vùng địa lí - kinh tế khác nhau.

Trong tương lai, khi thế giới ngày càng phát triển, cách mạng 4.0 bùng nổ mạnh mẽ trên toàn thế giới, Việt Nam cũng không nằm ngoại lệ, vẫn không ngừng cố gắng phát triển để liên tục hội nhập với các nước, chính vì thế lực lượng sản xuất chính là lực lượng nòng cốt đi tiên phong trong các phong trào hoạt động, thúc đẩy tiến bộ của đất nước ta. Chính lực lượng sản xuất đã tạo ra tiền đề, tạo ra những bước đầu tiên cho sự phát triển công nghiệp hóa hiện đại hóa, giúp nước ta không ngừng lớn mạnh về nhiều mặt, làm chủ được các công nghệ, kĩ thuật nước ngoài. Và cũng chính lực lượng sản xuất ở nước đang tự chủ được mọi công nghệ, có thể tự sản xuất những vật chất mà trước đây chúng ta phải nhập từ nước ngoài, giúp bình ổn về giá cả và quan trọng hơn giúp người dân tiếp cận và làm chủ công nghệ mới.

Vai trò của lực lượng sản xuất là điều tất yếu, đóng vai trò to lớn, quyết định mọi vấn đề, mọi bước tiến trong quá trình CNH-HĐH ở nước ta. Vì thế phát triển, củng cố năng lực của lực lượng sản xuất cũng chính là đang góp phát triển CNH-HDDH ở nước ta .

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**1. Bộ giáo dục và đào tạo; Giáo trình triết học (Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc ngành Triết học); Nhà xuất bản Chính trị-Hành chính; tái bản 2010.**

**2. C.Mác-PH.Ăng-Ghen; Hệ tư tưởng Đức, nhà xuất bản chính trị quốc gia; tái bản 1995.**

**3.** **Đ.I.Roodenbe; Tư bản của Mác; Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật; tái bản lần thứ nhất 2015.**

**4. TS. Mai Thị Thanh; Hướng dẫn ôn tập môn những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (học phần I); Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội; tái bản 2005.**

**5. V.I.Lênin .Toàn Tập tập 38; Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật; năm xuất bản 1977.**

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

**-TLSX: tư liệu sản xuất**

**-KH-CN: khoa học- công nghệ**